

UBND xã Định Hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NIÊM YẾT HỘ NGHÈO SAU KHI RÀ SOÁT

(Kèm theo thông báo số /TB-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của UBND xã Định Hóa)

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ (xóm)	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Kết quả rà soát Phiếu B		Số thành viên trong hộ
					Điểm B1	Điểm B2	
A	B		1	2	3	4	5
1	Nguyễn Văn Đô	Xóm Hoa Muông	1	1952	115	30	2
2	Phan Thị Vân	Xóm Hoa Muông	2	27/12/1949	120	30	1
3	Hoàng Thị Thùy	Xóm Hoa Muông	2	05/03/1982	100	30	4
4	Bàn Sinh Hưng	Xóm Hoa Muông	1	14/11/1992	85	40	6
5	Bàn Sinh Công	Xóm Hoa Muông	1	08/04/1989	75	30	4
6	Ma Khánh Thanh	Xóm Quế Linh	1	1974	85	30	1
7	Hoàng Thị Tiên	Xóm Liên Minh	2	01/01/1948	125	30	1
8	Mông Thị Loan	Xóm Liên Minh	2	01/05/1960	105	30	3
9	Ma Thị Dẫu	Xóm Liên Minh	2	15/02/1960	130	40	3
10	Trần Thị Hà	Xóm Liên Minh	2	09/10/1984	115	30	4
11	Ma Công Thâm	Xóm Liên Minh	2	10/08/1973	110	30	4
12	Nông Văn An	Xóm Liên Minh	1	08/05/1955	130	40	3
13	Hứa Thị Hiên	Xóm Liên Minh	2	26/09/1985	115	50	4
14	Lý Ngọc Sơn	Xóm Bảo Biên	1	18/10/1990	95	30	4
15	Dương Đình Nhất	Xóm Bảo Biên	1	18/08/1981	115	30	3
16	Trần Thị Mỹ	Xóm Bảo Biên	2	25/02/1951	130	30	1
17	Bàn Văn Đoàn	Xóm Khuổi Chao	1	10/08/1976	85	30	3
18	Triệu Văn Thế	Xóm Khuổi Chao	1	16/07/1999	95	40	2
19	Bàn Văn Loan	Xóm Khuổi Chao	1	01/02/1978	130	30	4
20	Bàn Thị Chanh	Xóm Khuổi Chao	2	22/06/1952	100	30	4
21	Triệu Văn Quý	Xóm Khuổi Chao	1	14/02/1959	110	40	4
22	Dương Văn Hợi	Xóm Khuổi Chao	1	20/02/1959	100	30	5
23	Bàn Văn Đông	Xóm Khuổi Chao	1	10/01/1996	135	40	5
24	Nguyễn Thị Nhiên	Xóm An Thịnh	2	02/10/1960	130	20	3
25	Phạm Văn Ban	Xóm An Thịnh	1	20/11/1979	125	20	3

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ (xóm)	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Kết quả rà soát Phiếu B		Số thành viên trong hộ
					Điểm B1	Điểm B2	
26	Mai Việt Giáp	Xóm Đèo Tọt	1	05/02/1984	140	30	2
27	Ma Thị Uẩn	Xóm Đèo Tọt	2	21/05/1954	130	30	2
28	Nguyễn Thị Hòe	Xóm Đèo Tọt	2	19/03/1990	140	30	3
29	Vi Văn Sang	Xóm Đồng Làn	1	03/08/1949	110	30	5
30	Vũ Văn Nho	Xóm Đồng Làn	1	15/02/1935	110	30	3
31	Phạm Văn Lanh	Xóm Đồng Làn	1	10/04/1974	120	30	1
32	Lê Thị Hải	Xóm Đồng Làn	1	01/01/1932	125	30	1
33	Phạm Thị Bưởi	Xóm Khuôn Ca	2	19/08/1959	130	30	4
34	Vũ Văn Công	Xóm Khuôn Ca	1	14/08/1985	110	30	6
35	Trần Ngọc Tuấn	Xóm Khuôn Ca	1	06/01/1992	120	30	4
36	Nông Thị Tiên	Xóm Làng Bằng	2	07/04/1959	120	30	3
37	Lưu Thị Thay	Xóm Làng Bằng	2	12/11/1966	95	30	4
38	Triệu Văn Vinh	Xóm Làng Bằng	1	26/03/1975	95	30	2
39	Ngô Thị Niềm	Xóm Làng Bèn	2	03/10/1973	135	30	3
40	Ngô Văn Mười	Xóm Làng Bèn	1	01/01/1972	110	30	1
41	Ngô Thị Bắc	Xóm Làng Bèn	2	10/07/1950	135	30	1
42	Đoàn Đình Nghi	Xóm Làng Bèn	1	16/06/1971	140	40	2
43	Ma Phúc Chuẩn	Xóm Làng Búc	1	20/10/1947	100	30	4
44	Vũ Đức Thắng	Xóm Làng Búc	1	12/06/1947	100	30	5
45	Ma Thị Đẹp	Xóm Làng Búc	2	18/08/1968	75	30	3
46	Nguyễn Thị Hồng	Xóm Ru Nghệ	2	26/12/1966	115	30	2
47	Nguyễn Thị Thêu	Xóm Ru Nghệ	2	10/07/1988	135	30	3
48	Hoàng Văn Thanh	Xóm Ru Nghệ	1	25/05/1991	140	30	5
49	Lê Văn Định	Xóm Đồng Bo	1	14/11/2085	135	30	4
50	Trần Văn Chuyên	Xóm Đồng Bo	1	17/01/1985	135	30	3
51	Phương Thị Lan	Xóm Đồng Bo	2	27/05/1991	125	30	3
52	Phạm Thị Nguyệt	Xóm Nà Táp	2	13/04/1950	100	40	1
53	Trung Thị La	Xóm Nà Táp	1	01/11/1965	105	30	2
54	Ma Thị Chín	Xóm Nà Táp	2	16/11/1971	120	40	2
55	Hoàng Văn Thanh	Xóm Làng Hoèn	1	28/01/1992	130	30	5
56	Ma Thị Huệ	Xóm Làng Hoèn	2	25/06/1991	115	30	3
57	Bàn Thị Hòa	Xóm Làng Hoèn	1	16/07/1958	125	30	5

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ (xóm)	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Kết quả rà soát Phiếu B		Số thành viên trong hộ
					Điểm B1	Điểm B2	
58	Luân Văn Hanh	Xóm Làng Hoèn	1	17/11/1983	130	30	4
59	Lý Thị Quýt	Xóm Làng Hoèn	2	25/09/1969	135	30	4
60	Lương Văn Cháp	Xóm Đồng Đình	1	20/05/1954	130	50	3
61	Hoàng Thị Đào	Xóm Đồng Đình	2	21/12/1942	85	60	2
62	Trần Thị Mận	Xóm Đồng Đình	2	04/06/1944	125	40	2
63	Ngô Thị Chi	Xóm Đồng Đình	1	15/02/1957	120	50	5
64	Bàn Văn Phú	Xóm Làng Gà	1	01/05/1981	115	30	4
65	Lộc Văn Sáu	Xóm Làng Gà	1	16/06/1978	95	50	4
66	Hoàng Thị Hoa	Xóm Nà Lom	2	25/11/1958	135	30	1
67	Ma Thị Tác	Xóm Nà Lom	2	12/06/1942	105	50	1
68	Đình Thị Vân	Xóm Nà Lom	2	03/01/1956	120	40	5
69	Sỹ Văn Đông	Xóm Làng Mới	1	13/11/1989	140	40	5
70	Lường Văn Long	Xóm Làng Mới	1	28/05/1987	105	40	6
71	Nguyễn Thị Tảo	Xóm Phố Núi	2	24/11/1957	135	30	1
72	Hồ Thị Sao	Xóm Chợ Chu	2	22/12/1950	125	40	1
73	Lê Đức Trường	Xóm Chợ Chu	1	16/02/1984	120	30	4
74	Định Thị Thanh	Xóm Bãi Á	2	25/09/1971	125	50	3
75	Ma Thị Gia	Xóm Bãi Á	2	16/07/1973	60	50	4
76	Phạm Thị Nguyệt	Xóm Châu Thành	2	14/06/1959	105	30	2
77	Lê Văn Triệu	Xóm Trung Kiên	1	05/06/1956	130	30	7
78	Trần Văn Hội	Xóm Phúc Xuân	1	10/12/1982	110	30	3
79	Lê Thị Thóm	Xóm Phúc Xuân	2	22/02/1935	110	30	3
80	Lương Thị Kim	Xóm Tân Á	2	15/09/1989	95	30	3
81	Nguyễn Văn Lượng	Xóm Tân Á	1	03/02/1986	120	50	5
82	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Xóm Tân Á	2	03/09/1980	135	30	3
83	Nguyễn Thị Thái	Xóm Tân Á	2	14/07/1954	135	50	1
84	Phùng Thị Chín	Xóm Trung Việt	2	05/08/1960	100	30	5
85	Nguyễn Văn Thân	Xóm Đồng Mản	1	02/10/1956	125	30	2
86	Phan Thị Thiện	Xóm Tân Tiến	2	27/06/1985	130	30	3
87	Nguyễn Thị Phương (89)	Xóm Làng Mạ	2	18/01/1989	125	30	3
88	Lộc Văn Nhâm	Xóm Làng Mạ	1	24/10/1988	105	30	2
89	Phan Văn Hiếu	Xóm Làng Mạ	1	12/02/1986	100	30	3

STT	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ (xóm)	Giới tính (1: Nam, 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Kết quả rà soát Phiếu B		Số thành viên trong hộ
					Điểm B1	Điểm B2	
90	Hoàng Thị Chi	Xóm Làng Mạ	2	10/02/1952	105	30	1
91	Mã Xuân Tình	Xóm Làng Mạ	1	03/03/1979	115	30	3
92	Lê Thị Thương	Xóm Khấu Bảo	2	23/09/1984	105	30	2
93	Đỗ Văn Nghĩa	Xóm Thâm Tý	1	18/02/1963	120	40	1
94	Hà Văn Quyền	Xóm Cốc Lùng	1	17/02/1962	120	30	5
95	Hứa Thị Hoa	Xóm Cốc Lùng	2	22/10/1986	115	30	4
96	Dương Thị Ngọc	Xóm Làng Chùa	2	11/03/1951	125	30	1
97	Bàng Thị Ý	Xóm Làng Chùa	2	28/12/1944	125	30	3
98	Đặng Thị Bật	Xóm Làng Chùa	2	09/09/1947	125	30	1
99	Vũ Thị Chạy	Xóm Bãi Hội	2	19/01/1957	115	40	1